



Tường Dung

Nước non ngàn dặm ra đi
Biệt ly là khúc sầu bi nào mừng
Lênh đênh biển sóng mịt mù
Quê hương ngày ấy nghìn trùng cách xa
Trăng soi đôi bóng Ngân Hà
Nhịp cầu Ô Thước chỉ là trong mơ
Đường về cố lý xa mờ
Nghe trong ký ức ngàn ngơ nỗi nhà
Bao năm ly cách quan hà
Đàn chim biệt xứ xót xa nỗi niềm
Mong ngày non nước bình yên
Không còn thù hận nghìn năm
Cho đàn chim Việt quay về
Trời Nam vui hát câu thơ tự do!



KHÉP MỘT VÀNG TRĂNG

(Cảm tác từ truyện ngắn *Khép Một Vàng Trăng* của
Nguyễn Nhung)

"Khép một vàng trăng" chia nỗi đau
Nửa in gói chiếc, (nửa) soi tuyền đầu
Chưa lần hò hẹn, lời son sứt
Nhưng nợ đã cầm, duyên đã trao.

"Khép một vàng trăng" lạc mất nhau
Vườn xưa lối cũ, mình em sâu
Đôi mắt hỏa châu tìm nhân ảnh
Chỉ thấy lệ tràn trong đêm thâu!

"Khép một vàng trăng" chung nỗi đau
Nhà tan, nước mắt lấm gian lao
Mười năm tù ngục, đời tăm tối
Vẫn có em cùng chung khát khao!

"Khép một vàng trăng" hẹn kiếp sau
Người về tan tác cuộc bề đầu
Ngọc lan, hương vẫn nồng trong gió
Hiên vắng, tìm em biết chốn nào?

Tưởng Dung

* Ngọc và Hiên là tên hai nhân vật chính trong
truyện *Khép Một Vàng Trăng*



THÁNG NĂM VÀ NHỮNG ĐƯỜNG HOA PHƯỢNG TÍM

Tháng năm, Cali vẫn còn lạnh lạnh vào những buổi sáng khi tôi thức giấc chuẩn bị đưa các con đi học. Dọc đường từ nhà đến trường, hai hàng cây jacaranda (mà tôi vẫn gọi là hoa phượng tím) đã bắt đầu nở rộ những chùm hoa tím xanh ngan ngát, màu tím xanh nhẹ nhàng, thanh thoát làm dịu cả đoạn đường dài. Và như thế, tôi biết rằng mùa hè đang đến. Ở Việt Nam, mùa hè bắt đầu với những cảnh phượng đỏ nở rục cả góc trời, với tiếng ve kêu ra rả buồn xót xa, thì ở đây chỉ có hoa jacaranda và nắng ấm. Không biết từ bao giờ tôi đã yêu thích màu hoa jacaranda, thích đi ngang qua những con đường có trồng hoa rợp bóng, nhìn những cánh hoa tím nhỏ li ti trải đầy trên đất, thêu từng mảng trên không, tôi cảm thấy dường như mình đang đi trong một giấc mơ.

Giấc mơ đưa tôi đến với những ngày xưa cũ, những kỷ niệm không thể nào quên, có con đường dẫn đến trường trung học Long Thành, nơi tôi bắt đầu nghiệp “gõ đầu trẻ”. Con đường cũng có hai hàng cây trải dài hàng mấy cây số, thành cả rừng cây, mà khi nhớ lại vẫn thấy chập chùng trong ký ức, những

thâm tình với bạn bè, đồng nghiệp, với học trò mà đôi lúc hồi tưởng vẫn nghe bồi hồi, ám áp trong tim.

Trước tháng 10 năm 1974, tôi vẫn chưa biết Long Thành nằm ở đâu? Xa xôi hẻo lánh tới cỡ nào? Nên khi cầm tờ sự vụ lệnh để đi trình diện nhận nhiệm sở đầu tiên cho nghiệp nhà giáo trên tay, thấy địa chỉ là trường trung học Long Thành, tôi đã ngậm ngùi cho thân phận mình vì nghĩ rằng chắc phải là một nơi đèo heo hút gió nào đó. Nhưng đến lúc được bác Tư Sanh, bạn thân của ba tôi, đang làm việc ở Ty Giáo Dục tỉnh, chở đến trường để xem... dân cho biết sự tình trước khi thực sự bước xuống... cuộc đời, tôi mới ngạc nhiên, thích thú và cảm thấy mình thật may mắn. Mặc dù đã đi Vũng Tàu nhiều lần, nhưng chưa bao giờ tôi để ý đến cái tên Long Thành, một thị trấn nhỏ nằm giữa đường đi Biên Hòa - Vũng Tàu và đặc biệt hơn hết là dọc đường, lúc gần đến nhiệm sở mới, có nhiều rừng cao su, quá đẹp! Từ Biên Hòa đi Long Thành, qua khỏi dốc 47, cầu Nước Trong, Tam An, An Lợi, vừa đến Phước Nguyên là đã thấy dọc hai bên đường những hàng cây cao su trùng trùng, thẳng tắp chạy dài như vô tận.

Hôm đó, ngồi phía sau, trên chiếc Honda của bác Tư, tôi đã say sưa ngắm nhìn cảnh hai bên đường như lần đầu được chiêm ngưỡng một bức tranh tạo hóa thật công phu. Những tàng lá xanh trên cao như giao đầu khăng khít, đổ tràn bóng mát xuống mặt đường, tôi cảm thấy lòng nhẹ nhàng, êm ái như đang lạc vào một hang động được kết bằng lá cây và bóng mát. Tôi thầm nghĩ, mai một mình sẽ tìm dịp đi dưới những hàng cây này, vào sâu trong rừng kia, chắc là thú vị lắm!

Chắc cũng cùng cảm xúc như tôi hôm ấy, anh Viện, dạy Toán, trong những ngày cả trường cùng vào trong khu “nhà Tây” (còn gọi là đồn điền sở Shíp) - là một khu nhà lớn sang trọng nằm sâu phía trong rừng cao su, nghe nói trước kia là nhà ở của gia đình một người Pháp, chủ nhân sở cao su này - để học tập chính trị sau 30 tháng Tư, đã sáng tác hai câu thơ thật lãng mạn khi cả bọn cùng đi bộ lang thang về nhà sau buổi học. Không biết có phải là để tặng cho chị Huyền, dạy Sử Địa như một số bạn bè đã nói với nhau chẳng?

“Rừng cây rồi lại rừng cây.

Sao ta chỉ thấy áo bay một người!”

Trước khi đến trường phải đi ngang qua khu Chợ Chiều, Văn Hải, rồi đến khu Phước Lộc. Trường nằm ngay trên trục lộ giao thông giữa Sài Gòn – Vũng Tàu. Cổng trường là hai cái trụ cao lớn với tấm bảng ghi Trung Học Long Thành, chỉ cách mặt đường quốc lộ 15, lúc nào cũng nườm nượp xe cộ, khoảng 3 mét, đối diện với khu chợ Long Thành. Nếu không nhờ cái cổng lớn nằm nhô ra gần mặt đường này, thì người ta sẽ khó mà tìm ra, vì trường nằm ẩn sâu vào phía trong.

Khi bác Tư quẹo xe rẽ vào cổng, tôi thoáng thất vọng vì cái khung cảnh khá đặc biệt trước mắt. Bên trái cổng là một cái giếng, lao xao tiếng nói cười của các bà, các chị đang chờ lấy nước với thùng, gánh gánh ngang. Bên phải là một quán chè nhỏ, rất đơn sơ nhưng đầy khách. Thấy xe lạ vào trường họ tò mò ngoái đầu nhìn chăm chú. Khoảng đường từ cổng vào trường tuy ngắn mà đất đá gập ghềnh. Chiếc xe dần lên xóc xuống, khiến tôi phải bám chặt yên, cứ sợ lơ đễnh một tí sẽ bị rơi ngay xuống đất.

Hôm đó là ngày nghỉ, sân trường vắng lặng, im ắng. Ba dãy lớp nằm giao lại như hình chữ U, nối với văn phòng Hiệu Trưởng và văn phòng Giáo Sư tạo thành một khối hình vuông. Tường gạch, mái ngói, trông cũng sạch sẽ, khang trang. Tôi thở phào nhẹ nhõm, may quá cứ tưởng phải về một chỗ “nhà quê” nào đó, tường rơm, vách lá thì chỉ... có chết!

Văn phòng đóng cửa, nên bác Tư dẫn tôi đến nhà của thầy Tổng Giám thị Hữu Ân, nằm ngay phía sau trường học để hỏi thăm và giới thiệu “lính mới”. Lúc tôi vào, thầy Ân đang xếp thời khóa biểu cho các lớp. Sau khi nói chuyện và nhận dạy môn Quốc văn, tôi được thầy Ân báo rằng sẽ có một đợt giáo sư mới về trường cùng lúc với tôi. Tôi vui mừng vì biết rằng mình cũng sẽ có “đồng minh” trong cái buổi ban đầu lưu luyến ấy, chứ không đến nỗi sẽ lạc lõng, cô đơn một mình giữa... chợ đời.

Tôi lên xe trở về Biên Hòa với một tâm hồn phơi phới, đầy thiện cảm và hứng thú bởi cái hình ảnh bên ngoài khá khang

trang của ngôi trường và sự cởi mở của thầy Tổng Giám thị dù chưa biết đồng nghiệp và xếp mình rồi sẽ thế nào đây?

Tôi trở lại trường một tuần sau đó để trình diện với ông Hiệu trưởng Vũ Đỗ Chung và nhận thời khóa biểu, mọi việc diễn tiến thật dễ dàng và thuận lợi. Ông Hiệu trưởng hòa nhã, thoải mái, các nhân viên làm việc trong văn phòng vui vẻ, thân mật. Về trường cùng với tôi đợt này có chị Kiềm Anh, Chinh và Thu Ba. Vì vừa đi dạy, vừa đi học tiếp chương trình đại học còn 2 năm cuối, nên tôi được xếp cho dạy 2 ngày thứ sáu và thứ bảy, mỗi ngày 8 tiếng.

Sáng sớm từ Biên Hòa đón xe xuống trường, ghé văn phòng một chút, có khi đi thẳng luôn tới lớp. Buổi trưa thì đến nhà chị Hai ăn cơm, nghỉ ngơi một chút để chờ giờ lên lớp buổi chiều. Nhà chị Hai nằm phía bên kia đường ngay ngã ba đối diện với đường đi vào bến xe và khu chợ, nơi các thầy cô giáo thường đến ăn cơm trưa và nghỉ ngơi. Buổi chiều, tan học xong là đi thẳng ra con lộ trước cổng trường, đón xe về lại Biên Hòa. Thế nên, thời gian này, tôi chưa quen biết nhiều với các anh chị đồng nghiệp ở trường, phần không có thời giờ, phần vì nhút nhát, lại biết mình là nhân vật nhỏ tuổi nhất trường, nên cũng hơi ngần ngại. Có một lần, trong giờ chơi, đang đứng lơ ngơ trước cửa văn phòng, chị Thảo dạy Hóa, lớn hơn tôi vài tuổi, được kể là hoa khôi trong các cô giáo trẻ, về trường trước tôi vài tháng, đi ngang qua, dừng lại ngó tôi rồi nói: “Nè, đi dạy đùng có mặc áo dài trắng, nhìn giống học trò lắm. Gặp mấy đứa con trai học trò lớp lớn, tụi nó làm bộ không biết mình là cô giáo, tụi nó chọc gheo cho là quê một cục đó à nha!”. Tôi cười cười nhìn chị chống chế: “Tại em thích mặc áo dài trắng.” Chị Thảo trừng mắt nhìn tôi: “Ừ, thì nói cho biết vậy thôi. Tui bị rồi đó.” Nghe lời chị, tôi về nhà xin má tôi may thêm vài chiếc áo dài màu khác để trông có vẻ người lớn và để cho học trò dễ phân biệt hơn, như lời chị Thảo đã cảnh cáo.

Sau 30 tháng Tư, chúng tôi không còn được đi đi, về về mỗi ngày như trước nữa, chương trình giáo dục mới, bắt buộc chúng tôi phải ở lại trường nhiều hơn, vừa giảng dạy, vừa học

tập lại vừa lao động, chế độ ăn ở tập thể được khuyến khích mọi nơi, nên chúng tôi phải tìm chỗ trọ cho cả tuần làm việc. Điều này không ngờ lại tạo điều kiện cho các giáo viên gần gũi, thân thiết với nhau hơn. Đời sống tập thể cho chúng tôi tình cảm thân thiết không chỉ ở chỗ bạn bè mà còn xem nhau như anh chị em ruột thịt vậy. May mắn cho chúng tôi, ở trường có chị Ngô Thanh Hương, dạy Sử Địa, là dân địa phương, chị có một ngôi nhà khá to, nằm gần chợ, ngay phía sau trường tiểu học Long Thành, dù đã bị hư hại khá nhiều sau những ngày cuối của cuộc chiến, nhưng cũng còn đủ tiện nghi để cho chúng tôi gồm 11 người trú ngụ, miễn phí.

Ngoài các bậc “tiền bối” như “Đại ca” Trị, “Nhị ca” Vinh, các chị Hương, Kiều Phương, Hoa, Dậu, Xuyên, thì Chinh, Thảo, Thu Ba và tôi được xem như là nhóm cô giáo trẻ của trường mà các ông Tú, Tiến, Thuận, Phong không nhớ ông nào đã đặt tên cho là “Quatre J” (xin lỗi, tôi không nhớ được tên đặt cho Chinh, Thảo “Jolie”, Thu Ba “Joyeux”, Ngọc Dung “Jeune”) và gọi ngôi nhà chúng tôi ở là “Ngô Gia Trang”.

Vì là nhỏ tuổi nhất trường nên tôi rất được nuông chiều. Các anh chị bạn đồng nghiệp coi tôi như là một đứa em nhỏ nên đối xử rất thân tình, thường hay quan tâm, nhắc nhở.

Khoảng cuối năm 76, phòng giáo dục đến trường có ý thuyên chuyển tôi về trường Phước Thái, đang cần giáo viên dạy môn Văn, với lý do trong tổ Văn, tôi là người độc thân, trẻ tuổi, không có gì vướng bận. Thế nên tôi đi là hợp lý, hợp tình nhất. Tôi vừa tức vừa sợ vì nghe nói Phước Thái, một xã nhỏ của huyện Long Thành, là khu... trại cùi, mà lại ở vùng kinh tế mới, nên đã bật khóc ngon lành trước mặt hai tên cán bộ phòng giáo dục và các bạn đồng nghiệp cùng Tổ, sau khi “tuyên bố” là sẽ xin nghỉ dạy vì gia đình đã có một đứa em gái đi dạy ở tận Bình Tuy, và một em trai đang đi học ở mãi tận Bảo Lộc. Trưa hôm đó, tôi về nhà trọ lòng vẫn còn đang “tức tưởi”, vì chắc rằng mình sẽ phải từ giả ngôi trường Trung Học Long Thành này rồi, thì lại gặp Cao Quốc Tiến dạy Anh Văn, một nhân vật hay “xuất khẩu thành thơ” của nhóm thầy giáo trẻ trong trường, người mà mỗi khi đến thăm bốn đứa “Quatre J” chúng tôi, chưa tới cửa đã nghe phán trước một câu “sấm

truyền” bắt hủ của anh: “Một ngày mà tớ không trông thấy các cô là ngày ấy tớ thẹn thùng với gương!”, mặc dù bao năm cùng dạy chung dưới một mái trường, chưa bao giờ thấy anh “có tình ý” với cô nào cả.

Ông Tiến chạy xồng xộc vào nhà... mắng ngay một hơi: “Cái cô này làm gì phải khóc, có gì thì cứ thủng thảng mà nói, mà tính. Lớn rồi chứ bộ còn con nít 17, 18 tuổi sao mà động tí là khóc, nhất là không thềm khóc trước mặt... cán bộ, nhớ chưa?” Không biết anh nói thật hay nói đùa, mà gương mặt anh cứ “đăng đăng sát khí”, cứ đi tới đi lui trong căn phòng chật hẹp vừa là phòng ăn vừa là chỗ ngủ của anh Trị, anh Vinh. Tôi cảm động mà lại tức cười: “Tính làm sao được mà tính, nói hết sự tình, hoàn cảnh ra rồi đó, họ không chịu thì tức quá phải khóc chớ sao!”. Vậy mà anh chàng vẫn đi tới đi lui cần nắn tôi suốt buổi hôm đó vì cái tội “tại sao phải khóc vớ vẩn như thế”. Không ngờ, hôm sau vào trường, thầy Giám thị Kham báo cho tôi biết là phòng giáo dục đã quyết định không chuyển tôi về Phước Thái nữa. Tôi mừng đến suýt... khóc thêm lần nữa và nghĩ thầm: biết đâu là tại nhờ mình khóc, họ thấy “cảm động” quá nên mới đổi ý. Bạn bè đến thăm hỏi, chia vui với tôi, thật là sung sướng!

Trong khoảng thời gian này, mặc dù có nhiều biến đổi, khó khăn hơn trong cuộc sống, nhưng sau những giờ dạy ở trường về đến nhà trọ buổi tối, nhóm chúng tôi vẫn vui vẻ, thoải mái bày ra các trò chơi giải trí thật thú vị, thường là do anh Vinh khởi xướng.

Tôi vẫn nhớ và thích nhất những buổi “nhạc thính phòng” được tổ chức khi nhà có khách như anh Bình, chị Châm, ông Thuận, Tiến... sang chơi. Lúc thì làm ở phòng ăn, dưới chân cầu thang, lúc thì ở trên chỗ phòng khách dùng làm phòng ngủ của các chị. Chúng tôi ngồi quây quần thành vòng tròn, đèn chỉ để một bóng... mờ mờ, ảo ảo. Một người tình nguyện hoặc được chỉ định sẽ bắt đầu chương trình bằng những lời dẫn hay một bài hát với giọng thì thầm, nhỏ nhỏ và người bên cạnh cứ thế mà tiếp tục phiên mình. Ai không biết hát thì kể chuyện, chia sẻ kỷ niệm. Cây đàn guitar do anh Vinh và anh Bình thay nhau sử dụng đã lần lượt đưa những tiếng hát bay bổng, nhẹ

nhàng... quanh căn phòng nhỏ. Một bầu không khí dịu dàng, ấm áp trải rộng, lan tỏa và rồi đọng lại trong lòng mỗi người. Thật tuyệt! Có một lần, để cho không khí... lãng mạn hơn, anh Vinh đã dùng cái khăn lông nhỏ, bọc bóng đèn tròn quá sáng trong phòng, dưới chân cầu thang. Cả bọn mãi mê ngồi hát, đến lúc nghe mùi khen khét, nhìn lên thì thấy cái khăn đã ngả sang màu nâu đậm, bắt đầu có vài sợi khói bay bay. Một ông vội chạy bay đến tháo ngay cái khăn xuống và chương trình “nhạc thính phòng” đành phải tạm chấm dứt. Để thay đổi không khí, anh Bình quay sang kể chuyện ma, câu chuyện *The Chair* (Ma Ghế) là câu chuyện ma mà chúng tôi rất thích, cứ đòi anh kể lại mặc dù vừa nghe vừa nín thở. Hôm nào vui vẻ, hào hứng thì anh Vinh lại truyền nghề khiêu vũ cho bốn đứa chúng tôi. Cả bọn đều thích điệu bebop vì vừa vui chân lại vừa khỏe sức. Trong bọn chỉ có Chinh là học trò giỏi nhất, vì cô nàng quay valse rất nhuyễn.

Những ngày tháng vui vẻ của chúng tôi kéo dài không được bao lâu thì phải chấm dứt sau một biến cố lớn xảy ra cho hai người bạn đồng nghiệp trong trường, anh Đỉnh và anh Cường. Vì nội dung của tờ bích báo (còn gọi là báo tường), nhân ngày 20 tháng 11, lễ Hiến chương các nhà giáo của lớp 11, do anh Đỉnh làm chủ nhiệm mang một số hình thức và nội dung phản động, chống phá cách mạng và chế độ mới theo lời kết án của tên trường phòng giáo dục. Hai anh bị bắt đi biệt tích sau một phiên xử theo hình thức “tòa án nhân dân” thật bất ngờ trong một buổi tối ngay trên sân trường do phòng giáo dục và công an địa phương dàn dựng. Chúng tôi bắt đầu hoảng sợ và đề phòng hơn trong cử chỉ, lời nói với mọi người chung quanh. Các anh chị đồng nghiệp lớn tuổi cho đó là một bài học, hình thức “dần mặt” chúng tôi, “bọn tiểu tư sản, tàn dư của chế độ cũ” và cho thấy sự khác biệt rõ ràng về ý thức hệ, quan niệm sống của hai chế độ qua phân tích, luận tội của các “công tố viên” bên phòng giáo dục và tự bào chữa của hai “bị cáo”.

Trước 1975, các sáng tác văn học, nghệ thuật thường dựa trên cảm xúc, quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật”, còn chế độ mới luôn phải đứng trên quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh” hay nói chính xác hơn là văn học phải phục vụ cho chính trị.

Vì vậy, bài **Lời Ngỏ** của ông thầy chủ nhiệm và bài **Hoa Lục Bình** của ông thầy dạy Sinh Vật nhằm chia sẻ cảm xúc và kiến thức cho học sinh trong ngày lễ Nhà Giáo bằng dung trở thành... vật tế thần đầu tiên của trường chúng tôi trong giai đoạn đầu của chế độ mới. Hình ảnh đôi mắt thất thần của hai anh Đính và Cường khi tên trưởng phòng Giáo dục đồng dục nói: “Xin mời các đồng chí công an làm việc” cùng lúc với tiếng khua rắc rắc của cò súng lên nòng trước khi hai anh bị trói tay vào còng dẫn đi trước mặt gần 100 giáo viên của huyện đang ngồi chết lặng vì sửng sò, vẫn còn theo ám ảnh chúng tôi đến giờ mỗi khi nhớ lại.

Đến những năm sau 1979, nhóm “Ngô gia trang” dần dần tan rã, một số các anh chị dời về Sài Gòn hoặc dọn ra nơi khác. Riêng nhóm “Quatre J” chúng tôi vẫn gắn bó với nhau sau khi dời nhà lên ở khu Chợ Chiều, cho đến khi Chinh dời về dạy ở Tam An, Tôi về Biên Hòa, Thảo và Thu Ba về Saigon. Những tình cảm của tôi với trường Long Thành không chỉ được đơm hoa, bùng nổ ở giữa những bạn bè, đồng nghiệp mà còn là những kỷ niệm đậm đà, thân thiết với các em học trò mà tôi đã quen biết và của những lớp mà tôi đã dạy qua.

Năm học 75-76 bắt đầu với những lớp học “bồi dưỡng chính trị” và sinh hoạt văn nghệ quần chúng được phổ biến rộng rãi trong nhà trường, cho cả thầy cô lẫn học sinh. Có lẽ lúc đó thấy tôi còn trẻ mà lại thích ca hát nên mọi người cho tôi vào ban văn nghệ của trường. Vốn liếng “nhạc đỏ” của tôi lúc ấy thật ra chỉ là mấy bài hát mà tôi nghe đi nghe lại hàng ngày trên các loa phường, thành phố hoặc cùng bạn bè đồng nghiệp tập hát cộng đồng trong các buổi học tập chính trị, còn quá mới mẻ, chưa đủ nhập tâm để tôi có thể truyền đạt hoặc hướng dẫn lại cho các em học sinh. Vì vậy, tôi phải cố tìm những bài hát cũ không nằm trong đám “nhạc vàng” còn phù hợp với cuộc sống mới và hát mà không phải sợ bị... kiểm điểm cho yên tâm. Tôi nhớ trong giờ sinh hoạt lớp, bài hát đầu tiên mà tôi dạy cho các em là bài **Dậy mà đi** (Dậy mà đi, dậy mà đi, ai chiến thắng không hề chiến bại, ai nên khôn không khôn một lần...), một bài hát trước 75 rất phổ biến trong giới sinh viên

và các em rất thích, cứ hát đi hát lại mãi. Sau đó, không biết ai đã đề nghị, tôi lại được phong chức “vũ sư” dạy múa cho các em. Bài múa đầu tiên, động tác như những cánh chim, mà lời nhạc chính là bài **Tự nguyện** (Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng, nếu là hoa tôi sẽ là một đóa hướng dương...) cho ngày lễ “Quốc Tế Hiến Chương Các Nhà Giáo”. Tôi đã chọn được chín em lớp 11 và 12 lúc ấy như: Kim Loan, Bích Ánh, Lâm Hoa, Diệp Láng, Ren, Ánh Thủy, Ngọc Đáng, Bạch Tuyết, Niệm Hương. Không ngờ màn múa này được các em biểu diễn rất thành công, cả trường khen thưởng, khiến tôi lại phải tiếp tục hướng dẫn nhóm các em thêm một màn múa **Hoa Đăng** nữa. Sau này, chúng tôi đã được mời đi trình diễn nhiều lần trong các buổi sinh hoạt trong và ngoài huyện Long Thành.

Kim Loan hiện luôn sát cánh với các thầy cô, bạn bè tổ chức văn nghệ cho các buổi hội ngộ Long Thành, chính là Kim Loan trong đội múa mà tôi đã nhắc ở trên. Bây giờ nhớ lại không biết các em có còn giữ được chút nào cái cảm giác bồi hồi, cảm động khi nghe những tràng pháo tay nồng nhiệt của khán giả, sau màn vũ của mình chăng?

Trong sự nghiệp dạy “ca múa”, tôi còn dạy thêm hai bài vũ **Năm Ngón Tay Ngoan** và **Con Kênh Xanh Xanh** cho học sinh của hai lớp 8 do tôi làm chủ nhiệm nữa. Sau này, nhớ lại, tôi cũng ngạc nhiên vì không ngờ mình cũng biết dạy múa, dù chưa được đi học hoặc tham gia múa vũ trước đó bao giờ.

Nhưng kỷ niệm thân thiết, khó quên nhất trong quãng đời đi dạy chính là những tình cảm của các em học sinh đã dành cho tôi. Nhớ những buổi lao động thủy lợi, cùng các em ngâm mình dưới sinh lầy để làm đập ngăn nước dẫn vào ruộng, hoặc ra rẫy cuốc đất trồng đậu phộng để gây quỹ cho trường, có em vừa thấy Cô nhúng tay chân xuống đầm sinh hoặc giơ cuốc lên còn ngượng ngập đã vội chạy đến: “Cô ơi, cô ngồi nghỉ đi, để đó cho em. Em quen rồi, làm lạ lắm.” Cảm động không phải vì có học trò làm thay cho mà vì cái tình trong lời nói thật thà, đơn sơ mà đậm đà tình nghĩa đó. Hoặc những buổi “trực trường” trong mấy tháng hè, được các em rủ: “Cô ơi, chút nữa hết giờ, Cô lại nhà em, vườn em chơi nha.”

Lớp 8A1, do tôi chủ nhiệm năm học 77-78, các em học rất đều, rất giỏi, trong đó có Kim Sinh. Em rất mến tôi và hay mời tôi đến nhà chơi. Một lần, em kéo tôi ra sau vườn nhà em, thì thầm tâm sự: “Em xem cô giống như mẹ em vậy.” Tôi biết em mất mẹ sớm nên hay buồn tủi, tôi cảm động nói với em: “Từ giờ trở đi em có gì buồn hoặc cần giúp đỡ cứ cho cô biết nha.” Trong suốt năm học, Kim Sinh rất thân thiết với tôi và mỗi khi gặp tôi dù ở đâu em luôn nở nụ cười thật tươi và chạy tới chào hỏi. Đến năm sau, do đạt được “danh hiệu” là giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tôi phải đảm nhận thêm một số nhiệm vụ mới bận rộn hơn, nên không còn được chủ nhiệm mà chỉ dạy lớp thôi. Tôi phụ trách môn Văn ở lớp 9A3 và lại được thêm một học trò “ruột” nữa là Thu Hương. Tôi hay đến nhà em chơi và ngủ lại đêm ở đó. Hai cô trò nấu cơm, ăn uống, tối nằm ngủ chung trên bộ ván gỗ, cửa nhà không đóng, nên có thể thấy cả ánh trăng từ ngoài sân rọi vào, nằm nghe Hương thì thầm tâm sự về một người bạn rất thân... cho đến khi dần rọi vào giấc ngủ. Ở trường Long Thành các lớp học thường là chung cả nam lẫn nữ. Lớp 9A3 này các học sinh chắc là cũng... ngán cô ND, nên giờ học nào các em cũng ngồi yên ngoan ngoan, chăm chú lắng nghe, cả đến những anh con trai vẫn hay phá phách, nên các em học tới đâu làu thông tới đó.

Có một kỷ niệm đặc biệt của lớp này đã khiến tôi mỗi khi nhớ lại, vẫn cảm thấy bồi hồi và xúc động. Hôm đó, trong lúc dạy môn ngữ pháp (văn phạm), tôi hướng dẫn các em về thể thơ lục bát, cách gieo vần cho đúng luật, và cho các em thử tập làm thơ ngay tại lớp. Lớp học thích thú, sôi nổi với những câu thơ lục bát “ứng khẩu” thật đúng vần điệu và không kém phần ý tứ. Tôi sung sướng với ý tưởng: lớp này không khéo lại nảy sinh một vài “nhà thơ lớn” đây. Cuối giờ, tôi cho các em bài tập ở nhà, một bài thơ ngắn với thể lục bát, để kiểm tra vào tuần tới. Độ ba, bốn hôm sau, khi mới bước vào văn phòng để sửa soạn xuống lớp, thầy giám thị Kham đưa cho tôi một lá thư vừa cười vừa bảo: “Cô ND, có thư của ai gửi cho cô về địa chỉ trường đây này”. Tôi ngạc nhiên vì chưa bao giờ cho ai địa chỉ trường cả. Nhìn trên góc trái của bì thư thì cũng chẳng thấy ghi tên người gửi. Tôi cầm thư bước xuống khu nhà tập

thể chỗ tôi đang ở với vài chị bạn cùng trường, mở bì thư ra là một trang vở học trò xếp làm đôi, được cắt xén rất cẩn thận, và trình bày đẹp mắt với những cánh hoa nằm ở hai góc phía trên đầu thư. Ở giữa được đóng khung gọn gàng là một bài thơ lục bát viết tay bằng những nét nắn nót như sau:

Mén tặng Cô ND

CÔ EM

*Từ nhà Cô bước đến trường,
Tay ôm cặp sách trên đường bước đi.
Cô ơi, Cô có nghĩ gì?
Con đường dài lắm Cô đi một mình.
Cô em bốn mắt đẹp xinh,
Đôi tay mềm dẻo thật tình là thương.
Hiền từ giọng nói khiêm nhường,
Giảng bài kỹ lưỡng, yêu thương học trò.
Cô là bến vắng đưa đò,
Khách về khách ấm tình Cô sớm chiều.*

Học trò của Cô

Lớp 9A3

Tôi nghe mặt mình nóng bừng lên vì bất ngờ và cảm xúc. Một món quà thật đơn sơ mà giá trị tinh thần thật vô cùng quý báu. Tôi im lặng không nói gì hết, vì muốn chờ xem tác giả là ai? Quả nhiên hai hôm sau, một em trai của lớp 9A3 chắc không còn kiên nhẫn, đến tìm tôi và hỏi:

- Cô ơi, mấy hôm nay Cô có nhận được gì không?"

Tôi nhớ, em tên là Luyện, một học sinh rất khá của lớp. Tôi giả vờ hỏi:

- Nhận gì? Cô có nhận gì đâu?

- Có mà, thật không Cô?

Tôi chờ một lúc. Khi thấy gương mặt của em bắt đầu áo não đến tội nghiệp, nên vội nói:

- Có, Cô nhận được rồi. Bài thơ em tự làm đó hả? Hay lắm, mà âm vận lại cũng rất hoàn chỉnh.

Luyện cười, mặt đỏ hồng lên:

- Không phải mình em làm đâu cô ơi, mấy đứa con trai 2 bàn cuối cùng hợp nhau làm để tặng cho Cô đó. Cô cho bao nhiêu điểm vậy Cô?

- Đây là công của cả nhóm, Cô phải cho 10 điểm (điểm cao nhất lúc bấy giờ) cho mỗi em, không cần phải chia nhau, được không?

Rồi tôi vỗ vai Luyên:

- Cô cảm ơn các em, bài thơ này rất ý nghĩa và vô cùng quý báu đối với Cô. Cô sẽ giữ nó mãi mãi trong tận đáy lòng. Cảm ơn các em nhiều lắm!

Quả thật, tôi đã cất giữ bằng cách thuộc lòng bài thơ này cho đến bây giờ, như một món quà kỷ niệm vô cùng trân quý trong mớ hành trang cũ kỹ của những ngày ly hương, xa xứ.

Cảm ơn các anh chị, những người bạn đồng nghiệp, những người thân thiết nhất của một thời dĩ vãng, đã cùng nhau chia sẻ ngọt bùi, góp chung kỷ niệm, để cho tôi có thêm niềm lạc quan, yêu đời, yêu người.

Cảm ơn các em, những học trò với lòng tin yêu, cậy mến, đã không ngần ngại khi đến với tôi để bày tỏ, gửi gắm những tình cảm chân thành, đằm thắm để tôi có được niềm hạnh diện là người đi gieo những hạt giống tốt cho cuộc đời.

Tháng Năm rồi sẽ qua, những chùm hoa jacaranda tím tím đã bắt đầu tàn phai trên đường phố tôi đang ở. Nhưng tôi biết hình ảnh của tháng Năm và những đường hoa phượng tím năm nay sẽ còn ở lại rục rịch, thắm tươi hơn bao giờ hết trong trái tim của những người con xa xứ, luôn hướng lòng quay về chốn cũ “như đàn hạc hoài hương, ngày đêm hồi hải tìm về tổ ấm trên đỉnh núi cao...” trong ngày họp mặt trường xưa ở miền Nam Cali đầy nắng ấm, tình nồng.

Tưởng Dung

BIỆT KHÚC

Bài thơ nào em viết
Cho buổi sáng hôm nay
Khi bình minh thức dậy
Lúc tình còn ngủ say.

Bài thơ nào em viết
Cho mùa gió heo may
Thổi bay bay nỗi nhớ
Theo mây về cuối trời.

Bài thơ nào em viết
Cho giọt nắng ban trưa
Soi vàng sân lá úa
Rơi đầy trên lối xưa.

Bài thơ nào em viết
Cho hoàng hôn sắp tàn
Hàng thùy dương xao xác
Sóng chiều dâng miên man.

Bài thơ nào em viết
Cho người đi đêm nay
Khi tàu dần xa khuất
Để lòng thôi bi ai!

Tương Dung

BIÊN HÒA, NỖI NHỚ KHÔN NGƯỜI

Biên Hòa bây giờ còn như ngày cũ
Nhưng ngã tư, xe cộ vẫn thành dòng?
Em ở bên này, lái xe xuống phố
Xứ lạ quê người, nỗi nhớ mênh mông!
 Biên Hòa giờ này còn nơi hẹn cũ
 Quán nước, công viên, ghé đá, bờ sông?
 Em ở bên này, sáng trưa hiu hắt
 Chợt thấy lòng mình là những... quán không!
 Biên Hòa giờ này trên con đường cũ
 Những chuyến xe lam vẫn chờ đông người?
 Em ở bên này, đưa con đến lớp
 Nhớ chuyến xe nào chở những buồn vui!
Biên Hòa giờ này còn đâu trường cũ
Một thuở hồn nhiên, ấp ủ tình đầu!
Em ở bên này, tìm trong ký ức
Khung cửa, bậc thềm, góc lớp... chìm sâu!
Biên Hòa giờ này sông dâng triều cũ
Con nước chiều lên, nhịp vỗ hiền hòa?
Em ở bên này, chỉ nghe sóng biển
Nên nhớ thật nhiều tiếng sóng quê xa!
 Biên Hòa bây giờ chắc không như cũ
 Đường phố đổi thay, ga vắng im lìm!
 Em ở bên này, ngẩn ngơ tiếc nuối
 Những ngõ thân quen, những chuyến tàu đêm!
 Biên Hòa bây giờ còn trong nỗi nhớ
 Một khoảng trời xưa đã khép lại dần
 Một khoảng trời xanh bên đời em có
 Gửi đến quê nhà, gọi chút quà Xuân!

Tưởng Dung